BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3650 /ĐHCT-ĐT
V/v điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, học tập học kỳ 1, năm học 2026-2027

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2026

Kính gửi:
- Lãnh đạo các đơn vị đào tạo;
- Phòng Phát triển Cơ sở vật chất và Dự án;
- Giảng viên và sinh viên chính quy trong toàn đại học.

Nhằm phục vụ công tác sửa chữa, cải tạo phòng học trong thời gian tới, Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo kế hoạch chuyển đổi phòng học cho các lớp học phần hiện đang tổ chức giảng dạy, học tập tại phòng học 201/MT, 202/MT và 301/MT thuộc nhà học Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn sang phòng học mới ***(danh sách đính kèm)***, như sau:

- **Ngày học, Tiết học không thay đổi.**

- **Thời gian thực hiện:** bắt đầu từ thứ Hai, ngày 16/11/2026 (tuần 11) đến hết học kỳ 1, năm học 2026-2027**.**

ĐHCT đề nghị:

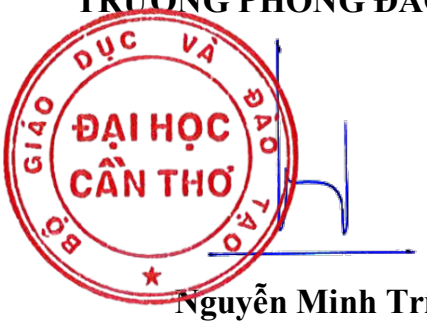
- Các đơn vị đào tạo thông báo đến giảng viên và sinh viên các lớp có liên quan biết nội dung thông báo này để thực hiện.

- Phòng Phát triển Cơ sở vật chất và Dự án, Trường/Khoa/Viện và đơn vị quản lý nhà học thông báo kế hoạch chuyển đổi này và bố trí phục vụ mở cửa các phòng học có liên quan.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- BGĐ (để báo cáo);
- Website: ĐHCT, PĐT;
- Lưu: VT, PĐT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Minh Trí

DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN CHUYỂN ĐỔI PHÒNG HỌC NHÀ HỌC KHOA KHCT, XH&NV

HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

(Đính kèm công văn số: /ĐHCT-ĐT, ngày tháng 11 năm 2026)

Thời gian thực hiện từ thứ Hai, ngày 16/11/2026 cho đến hết học kỳ

STT	Phòng cũ	Mã HP	Tên học phần	Nhóm lớp	Thứ	Tiết	Tuần học	Mã số GV	Họ và tên GV	Phòng mới
1	201/MT	ML015	Triết học Mác - Lênin	F02	2	123---------	12345678901	003096	Nguyễn Văn Bừng	102/KH
2	201/MT	ML014	Triết học Mác - Lênin	F16	2	---45-------	12345678901	700929	Lê Ngọc Triết	106/NN
3	201/MT	ML007	Logic học đại cương	01	2	-----678----	12345678901	700929	Lê Ngọc Triết	207/NN
4	201/MT	ML015	Triết học Mác - Lênin	F02	3	123---------	12345678901	003096	Nguyễn Văn Bừng	111/C2
5	201/MT	KT374	Kế toán ngân hàng	01	3	---45-------	123456789012	002496	Hồ Hữu Phương Chi	401/D1
6	201/MT	XN209	Nghệ thuật học	F02	3	-----678----	12345678901	000117	Nguyễn Kim Châu	404/D1
7	201/MT	TV122	PP nghiên cứu khoa học thông tin - TV	01	4	12----------	12345678901	000810	Huỳnh Thị Trang	203/D2
8	201/MT	XH116	Phương pháp nghiên cứu Văn học	01	4	--345-------	12345678901	000117	Nguyễn Kim Châu	121ATL
9	201/MT	ML014	Triết học Mác - Lênin	F22	4	-----678----	12345678901	003096	Nguyễn Văn Bừng	122ATL
10	201/MT	KT349	Quản trị bán hàng	01	5	-----678----	123456789012	000553	Lưu Tiến Thuận	204/KH
11	201/MT	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	02	6	123---------	123456789012	002224	Lê Thị Diệu Hiền	101/B1
12	201/MT	TV123	Giao tiếp trong công sở	F01	6	---45-------	12345678901	001839	Lê Ngọc Linh	202/D1
13	201/MT	XN220	Phương pháp nghiên cứu khoa học XH	01	7	123---------	12345678901	002806	Hứa Hồng Hiểu	101MTN
14	201/MT	XH016	Mỹ học đại cương	F04	7	-----678----	12345678901	003058	Nguyễn Đăng Hai	106/B1
15	202/MT	ML228	Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản VN	01	2	123---------	12345678901	002320	Nguyễn Thị Thúy Lựu	103MTN
16	202/MT	SP009	Tâm lý học đại cương	A08	2	---45-------	56789012	003091	Bùi Văn Trạng Em	106/B1
17	202/MT	XN275	Ký sự - Phim tài liệu	01	2	-----6789---	78901	002954	Thái Ngọc Thảo	121ATL
18	202/MT	XN103	Địa lý du lịch thế giới	01	3	12----------	12345678901	001851	Huỳnh Văn Đà	201/TS
19	202/MT	KT101	Kinh tế vi mô 1	F05	3	---45-------	12345678901	001636	Lê Thanh Sơn	207/B1
20	202/MT	XN273	Phóng sự báo chí	01	3	-----6789---	12345678901	002954	Thái Ngọc Thảo	202/B1
21	202/MT	XN203	Chính sách công	01	4	--345-------	12345678901	002168	Nguyễn ánh Minh	103MTN
22	202/MT	KC055	Nhập môn ngành xây dựng	C05	4	-----678----	1234 901	002507	Huỳnh Trọng Phước	102/MT
23	202/MT	SHCVHT	Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	736	4	--------9---	3 7 1	003020	Nguyễn Thành Đô	201/C1

STT	Phòng cũ	Mã HP	Tên học phần	Nhóm lớp	Thứ	Tiết	Tuần học	Mã số GV	Họ và tên GV	Phòng mới
24	202/MT	KT111	Tài chính - Tiền tệ	F01	5	12----------	12345678901	001536	Đoàn Thị Cẩm Vân	301/CN
25	202/MT	TV123	Giao tiếp trong công sở	F01	5	--345-------	12345678901	001839	Lê Ngọc Linh	205AB1
26	202/MT	TN059	Toán cao cấp B	F03	5	-----678----	12345678901	003000	Bùi Quốc Việc	101/C1
27	202/MT	XN223	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	01	6	123---------	12345678901	001327	Trần Văn Thịnh	105/C2
28	202/MT	XN281	Báo chí đa phương tiện	01	6	---45-------	12345678901	700942	Nguyễn Thanh Liêm	123ATL
29	202/MT	KT111	Tài chính - Tiền tệ	01	6	-----6789---	123456789012	001281	Nguyễn Thị Kim Phượng	402/D1
30	202/MT	SP009	Tâm lý học đại cương	F01	7	-----678----	12345678901	003146	Đoàn Thị Xuân Anh	105/B1
31	301/MT	KT339	Kế toán quản trị 1	01	2	123---------	123456789012	002496	Hồ Hữu Phương Chi	404/D1
32	301/MT	KT303	Kinh tế quốc tế	02	2	---45-------	123456789012	001869	Trương Khánh Vĩnh Xuyên	203/B1
33	301/MT	KT361	Quản trị thương hiệu	01	2	------789---	123456789012	002501	Nguyễn Thị Bảo Châu	113/B1
34	301/MT	KT338	Đầu tư quốc tế	01	3	123---------	123456789012	001344	Phan Anh Tú	406/D2
35	301/MT	KT115	Kinh tế phát triển	01	3	---45-------	123456789012	000541	Mai Văn Nam	207/D2
36	301/MT	KT337	Thương mại điện tử	05	4	123---------	123456789012	001282	Nguyễn Hữu Tâm	306/D1
37	301/MT	KL271	Luật hình sự	F02	4	---45-------	12345678901	002589	Nguyễn Văn Tròn	105/C2
38	301/MT	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	01	4	-----678----	123456789012	001282	Nguyễn Hữu Tâm	402/D1
39	301/MT	SHCVHT	Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	660	4	--------9---	3 7 1	002311	Phạm Lan Anh	120ATL
40	301/MT	KT103	Quản trị học	05	5	123---------	123456789012	002999	Tất Duyên Thư	103MTN
41	301/MT	KT338	Đầu tư quốc tế	01	5	---45-------	123456789012	001344	Phan Anh Tú	203/C2
42	301/MT	KL245	Luật Hiến pháp Việt Nam	F05	5	-----678----	12345678901	003075	Nguyễn Văn Trường	102/KH
43	301/MT	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	02	6	123---------	123456789012	001869	Trương Khánh Vĩnh Xuyên	202/D1
44	301/MT	KT105	Toán kinh tế 1	03	6	---45-------	123456789012	001989	Huỳnh Thị Kim Uyên	101/B1
45	301/MT	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	01	6	-----6789---	123456789012	001145	Trần Bá Trí	101/B1

Danh sách có: **45** lớp học phần.

ĐẠI HỌC CẦN THƠ